

TÌNH TRẠNG SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ TIÊU THỤ LÚA GẠO THẾ GIỚI, 2011-12

T.S. Trần Văn Đạt
Nguyên Chánh Chuyên Gia FAO, Rome, Italy



(Internet)

Năm 2011, tình trạng sản xuất lương thực thế giới, chủ yếu ngũ cốc như lúa mì, lúa gạo và bắp được củng cố, đạt đến 2.325 triệu tấn hay tăng 3,7% so với 2010 (1) dù khí hậu bất thường xảy ra tại một số địa phương. Riêng lúa gạo là loại thực phẩm quan trọng cho hơn 3,5 tỉ người hay trên 50% dân số thế giới. Năm nay, ngành ngũ cốc này có hai chuyên biến lớn: **Chính phủ Thái Lan tăng giá gạo nội địa** để giúp nông dân có đời sống tốt hơn và **Ấn Độ bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu loại gạo thường dùng** (không thơm Basmati) để giải quyết vấn đề kho vựa, sẽ gây ảnh hưởng lớn đến thị trường thế giới. Hàng năm tình trạng sản xuất và thương mại lúa gạo thế giới bị chi phối bởi các yếu tố chính sau đây:

- 1) Lúa là một màu quan trọng cho **an ninh lương thực và liên hệ đến tình trạng nghèo khó** trên thế giới. Cho nên, nhiều nước đang phát triển đã thực hiện *chính sách tự túc lúa gạo*, với nhiều trợ cấp cho cả ngành sản xuất và thị trường tiêu thụ, nhưng chưa sánh kịp trợ cấp to lớn như các nước công nghiệp. Hai nước Malaysia và Trung Quốc, trái lại, có chính sách tự túc giới hạn, không ngoan, theo thứ tự ở mức 65% và 90% nhu cầu nội địa.
- 2) Tuy khối lượng sản xuất lúa gạo thế giới rất lớn, chỉ sau lúa mì, nhưng **số lượng giao dịch quốc tế tương đối nhỏ**, chỉ khoảng 30-34 triệu tấn gạo hay 6-7% mỗi năm, do chính sách tự túc của nhiều nước. Vì vậy, thị trường thế giới dễ bị giao động khi có những biến chuyển nhỏ trong ngành sản xuất.
- 3) Một yếu tố quan trọng khác gây ảnh hưởng rõ rệt đến sản xuất lúa gạo thế giới là **khí hậu bất định** mỗi năm. Hiện nay, diện tích trồng lúa tưới tiêu chiếm gần 60% tổng diện tích trồng lúa, nhưng sản xuất đạt hơn 75% tổng sản lượng thế giới; cho nên, ngành trồng lúa còn tùy thuộc rất nhiều vào tình trạng thời tiết, như là các loại lúa trồng nhờ nước trời còn chiếm 40% tổng diện tích. Theo thống kê về tình hình sản xuất lúa trong 50 năm qua, cứ bình quân mỗi 6-7 năm có một lần khí hậu bất lợi cho canh tác lúa thế giới và gây xáo trộn giá cả thị trường.

4) **Sản xuất lúa Châu Á** *phản ánh đậm nét* tình trạng lúa gạo thế giới và **đóng vai trò quyết định tối hậu** đến giá cả và giao dịch quốc tế, vì châu lục này hàng năm sản xuất và đồng thời tiêu thụ hơn 90% lúa gạo toàn cầu. Ngoài ra, nhu cầu tiêu thụ và **các chính sách nhập khẩu, tồn trữ lúa gạo** của các châu lục khác cũng làm ảnh hưởng đến thị trường không nhỏ.

5) **Các cuộc khủng hoảng chính trị, kinh tế, tài chính, năng lượng** như từng thấy trong những thập niên qua, gần đây 2008, đã gây ra khủng hoảng lương thực thế giới làm tăng thêm 100.000 người thiếu đói và đưa tổng số lên 1 tỉ người.

Sản xuất lúa gạo thế giới (2, 3 và 4): Mặc dù bị ảnh hưởng hiện tượng Niña ở nhiều nơi châu Á như Cambodge, Lào, Myanmar, Thái Lan và bão ở Philipines từ tháng 8 vừa qua, sản lượng lúa toàn cầu đã vượt lên mức kỷ lục nhờ vụ mùa phát triển trong điều kiện khí hậu thuận hòa sau đó. Cơ quan FAO ở Rome đã tiên đoán năm 2011, sản lượng lúa đạt đến 721 triệu tấn (hay 481 triệu tấn gạo), tăng lên 3% hay 24 triệu tấn so với 2010. Phần lớn sự tăng gia này do sản xuất thuận lợi tại các nước **Ấn Độ, Ai Cập, Bangladesh, Trung Quốc và Việt Nam** vượt trội hơn số lượng thất thu từ **Indonesia, Madagascar, Pakistan, Philipines và Thái Lan**. Sự tăng gia còn do diện tích trồng lúa thế giới tăng lên 164,6 triệu Ha hay 2,2% và năng suất bình quân cũng tăng nhẹ đến 4,38 t/Ha tức 0,8% hơn năm rồi.

Châu Á sản xuất 651 triệu tấn lúa (435 tấn gạo) hay tăng 2,9% so với 2010 dù có nhiều trận bão lớn xảy ra ở Philipines, và lũ lụt nặng kéo dài ở Cambodge, Lào, Myanmar và Thái Lan. Sự tăng gia lớn này chủ lực do Ấn Độ và Trung Quốc, với tham gia mức độ thấp hơn từ Bangladesh, Đại Hàn, Nhật Bản, Pakistan và Việt Nam. Riêng **Việt Nam**, Chính phủ dự đoán sản xuất lúa đạt đến 42 triệu tấn lúa hay tăng 1 triệu tấn so với 2010, do diện tích trồng thêm 200.000 Ha đưa tổng số lên 7,7 triệu Ha, năng suất đạt đến 5,5 t/Ha. Năm 2011, Việt Nam xuất khẩu 7,35 triệu tấn gạo mang về khoảng 3,5 tỉ Mỹ kim. **Ấn Độ** thu hoạch 154,5 triệu tấn lúa hay 11 triệu tấn hơn 2010 nhờ mùa mưa thuận lợi, ngoại trừ vài tỉnh ở Tây Nam có hạn hán. **Trung Quốc** sản xuất đến 203 triệu tấn lúa hay tăng 3 %, đạt được mục tiêu tự túc trong suốt thập niên qua. **Thái Lan** bị ngập lụt nặng ở cánh đồng trung tâm làm thiệt hại 1,6 triệu Ha tương đương 4 triệu tấn lúa, sản xuất năm nay độ 32, 2 triệu tấn, 7% thấp hơn 2010 (34,5 triệu tấn). Hậu quả này làm ảnh hưởng mạnh đến số lượng xuất khẩu 2012 (Xem thêm chi tiết ở Bảng 1).

Châu Phi sản xuất lúa khoảng 26 triệu tấn (17 triệu tấn gạo), hay 3% cao hơn 2010 dù mưa bất thường, do được mùa ở **Ai Cập**, một nước sản xuất lúa tưới tiêu lớn trong vùng và tăng sản xuất ở **Benin, Ghana, Mali, Nigeria, Sierra Leone** thuộc Tây Phi Châu; trong khi Đông Phi Châu như **Tanzania, Zambia, Madagascar và Nam Phi Châu** có tình trạng sản xuất ngược lại do mưa ít, ngoại trừ **Malawi và Mozambique** nhờ đầu tư nhiều cho hệ tưới tiêu (Xem thêm chi tiết ở Bảng 1). Ba nước sản xuất lúa gạo nhiều nhất ở châu Phi là Ai Cập, Nigeria và Madagascar, chiếm đến 55% tổng sản lượng lúa lục địa. Sản xuất lúa ở **Ai Cập** tăng từ 5,2 triệu tấn trong 2010 đến 5,8 triệu tấn trong 2011 và **Nigeria** từ 4,2 đến 4,3 triệu tấn; trong khi **Madagascar** giảm từ 4,8 xuống 4,3 triệu tấn trong cùng thời kỳ do khí hậu bất thường.

Nam Mỹ và Caribbean phục hồi sản xuất lúa đạt đến 29,6 triệu tấn (hay 19,8 triệu tấn gạo) so với sút giảm 12% năm rồi, do được mùa và giá gạo cao từ các nước **Argentina, Brazil, Colombo, Guyana, Paraguay, Uruguay và Venezuela**; trong khi **Mexico và Ecuador** bị khô hạn, **Honduras, Nicaragua và El Salvador** bị ngập lụt (Xem thêm chi tiết ở Bảng 1). **Brazil** là nước sản xuất lúa gạo lớn nhất của châu Mỹ (chủ yếu lúa rẫy) đạt đến 13,6 triệu tấn so với 11,7 triệu tấn 2010 nhờ khí hậu tốt. Sản xuất lúa của nước này chiếm đến 45% tổng sản lượng vùng.

Hoa Kỳ sản xuất lúa gần 8,5 triệu tấn, giảm bớt 21% so với 2010 (11 triệu tấn) do khí hậu không thuận lợi và diện tích trồng thu hẹp. Đó là mức sản xuất thấp nhất kể từ 1998. Sản xuất lúa **Úc Châu** tăng đến 800.000 tấn, gấp 4 lần so với 2010 (0,2 triệu tấn) nhờ cung cấp đầy đủ nước tưới. Sản xuất lúa ở **châu Âu** tăng thêm 0,2 triệu tấn, đạt đến 4,6 triệu tấn nhờ cải thiện năng suất, đặc biệt ở nước Ý và Liên bang Nga được mùa, nhưng giảm thu hoạch ở Pháp và Tây Ban Nha.

Giao dịch lúa gạo quốc tế 2011 đã tăng đến 34,3 triệu tấn hay 9% hơn 2010, phần lớn do nhu cầu nhập khẩu gạo của một số nước châu Á: Bangladesh, Indonesia, Iran và Trung Quốc và châu Phi như Côte d'Ivoire, Madagascar, Mali, Nigeria, Senegal. Nguồn gạo xuất khẩu tăng chủ yếu do **Ấn Độ** sau khi nước này bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu **gạo không phải Basmati** vào tháng 9 vừa qua vì họ muốn giải quyết số lúa tồn trữ lâu năm và lúa được mùa. Ngoài ra, còn các nước khác cung cấp số lượng gạo xuất khẩu khá lớn như Argentina, Australia, Brazil, Myanmar, Uruguay và Việt Nam; trong khi **Ai Cập, Hoa Kỳ, Pakistan và Trung Quốc** giảm bớt xuất khẩu.

Viễn ảnh giao dịch lúa gạo thế giới 2012 có thể giảm đôi chút, khoảng 500.000 tấn gạo. Theo dự báo FAO, giao dịch này chỉ đạt đến 33,8 triệu tấn gạo do nhu cầu châu Á giảm bớt chút ít. Về mặt xuất khẩu, Thái Lan giảm xuất khẩu từ 10,3 triệu tấn gạo 2011 xuống khoảng 8,2 triệu tấn 2012, do tình trạng ngập lụt nặng và thay đổi chính sách lúa gạo. Ấn Độ sẽ bù đắp giảm sút này do Chính phủ gỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu loại gạo thông dụng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Theo dự đoán, các nước Pakistan, Trung Quốc, Úc Châu và Việt Nam sẽ tăng xuất khẩu gạo vào năm tới. Còn Argentina, Brazil, Hoa Kỳ, Myanmar và Uruguay sẽ giới hạn xuất khẩu gạo.

Sử dụng lúa gạo thế giới 2011-2012 đạt đến 470 triệu tấn gạo, tăng 9,7 triệu tấn hay 2 % hơn năm vừa qua. Số lượng tiêu dùng này gồm có 397 triệu tấn dành cho thức ăn, 12 triệu tấn cho nuôi gia súc, và sử dụng khác như làm giống, biến chế và thất thoát sau thu hoạch khoảng 61 triệu tấn hay 3%. Khẩu phần thực phẩm trung bình tăng từ 56,5 kg/người/năm trong 2010 lên 56,8 kg 2011; riêng tại các nước đang phát triển khẩu phần tăng thêm 0,4 kg đến 67,8 kg và tại các nước phát triển giảm 1% còn 12,2 kg mỗi năm.

Gạo tồn trữ dự đoán 145 triệu tấn trong 2011, tăng 10,5 triệu tấn hay 8% so với 2010, số lượng này có thể cung cấp 30% nhu cầu thế giới. FAO ước đoán gạo tồn trữ tăng thêm 4 triệu tấn đến 149 triệu tấn trong 2012.

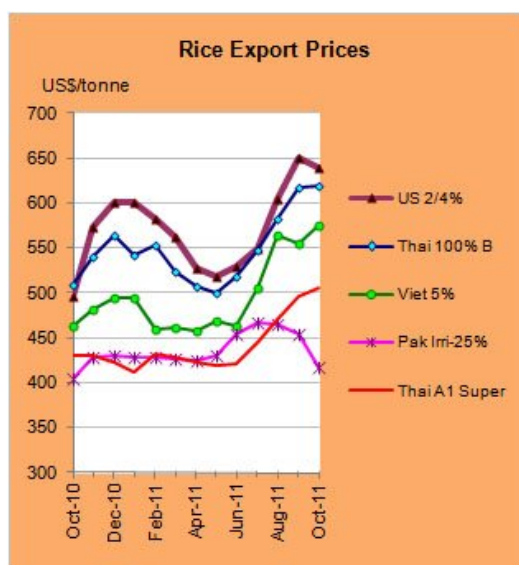
Giá gạo thế giới đạt đỉnh cao 570 Mỹ kim/tấn (gạo Thái 100% B) vào tháng 12-2010 và tháng 1-2011, bắt đầu giảm dần từ tháng 2 đến 5-2011 (500 Mỹ kim/tấn) do thu hoạch mùa lúa Đông-Xuân ở châu Á. Từ tháng 6 đến 11-2011, giá gạo tăng cao trở lại (630 Mỹ kim/tấn) (Hình 1), do lũ lụt tại một số nước châu Á, và **Chính phủ Thái** đưa ra chính sách tăng giá lúa gạo hỗ trợ nông dân kể từ 7-10-2011, với 502 Mỹ kim cho mỗi tấn gạo trắng premium và 667 Mỹ kim cho gạo thơm, tức tăng 66 và 33% so với thời điểm bấy giờ, theo thứ tự. Vào tháng 9-2011, giá gạo Việt Nam và Indonesia tăng 32 và 12% so với tháng trước. Vào cuối tháng 11-2011, **giá gạo Việt Nam 5% tấm** là 560 Mỹ kim/tấn và 25% tấm 510 Mỹ kim/tấn (4).

Ấn Độ đang trở lại thị trường quốc tế với sức cạnh tranh cao do giá gạo thấp. Nước này còn mở rộng thị trường đến một số nước châu Phi. **Gạo Ấn Độ 5% tấm** chỉ còn 394 Mỹ kim/tấn tháng 11 so với 412 Mỹ kim/tấn tháng 10. **Pakistan** xuất khẩu ít hơn do thất mùa, giá gạo 25% tấm là 391 Mỹ kim/tấn trong tháng 11 so với 420 Mỹ kim tháng 10 (4). **Trung Quốc** vẫn giữ giá gạo nội địa không thay đổi từ tháng 3 đến tháng 11, nhưng cao hơn cùng thời điểm năm trước 14%. Tại các nước Bangladesh, Bhutan, Cambodge, Lào, Nepal và Philippines giá gạo nội địa không thay đổi từ tháng 9-2010 đến nay.

Năm 2011, **Brazil** xuất khẩu kỷ lục đến 1 triệu tấn gạo so với 0,4 triệu tấn 2010. **Uruguay** tập trung xuất khẩu gạo vào thị trường Trung Đông. **Hoa Kỳ** xuất khẩu giảm với 3,4 triệu tấn gạo 2011 so với 3,9 triệu tấn 2010. Giá gạo xuất khẩu cũng theo khuynh hướng thế giới giảm 5%. Gạo hạt dài 2/4 còn 593 Mỹ kim/tấn tháng 11 so với 625 Mỹ kim/tấn tháng 10 (4).

Năm 2012, giá gạo thế giới sẽ giảm do số lượng xuất khẩu dư thừa và số lượng gạo giao dịch nhỏ hơn so với năm trước. Đây là hậu quả tất nhiên của sản xuất và tồn trữ tăng gia liên tục trong thập niên vừa qua.

Giá gạo xuất khẩu của một số nước xuất khẩu quan trọng, như Thái Lan, Hoa Kỳ, Việt Nam, Argentina, Ấn Độ và Pakistan từ 2006 – 2011 được trình bày trong Bảng 2 (2).



Hình 1: Giá gạo xuất khẩu từ Tháng 10-2010 đến 10-2011 (FAO food outlook, 2011)

Tóm lại, theo Tổ chức FAO dự báo, viễn ảnh sản xuất lúa gạo thế giới năm 2012 khá sáng sủa, có thể tăng khoảng 2,4% đạt đến 738 triệu tấn lúa; nhưng giao dịch gạo thế giới sẽ giảm bớt 1% ở mức 33,8 triệu tấn gạo, do Thái Lan giảm số lượng xuất khẩu 20% và một số nước khác cũng có khuynh hướng này. Sự thay đổi chính sách lúa gạo Thái Lan và Ấn Độ sẽ làm cho thị trường lúa gạo thế giới năm tới không được ổn định. Ấn Độ và Pakistan sẽ thay thế phần lớn số lượng xuất khẩu sụt giảm của Thái Lan. Với chút ít lạc quan, các chuyên gia cho biết giá các nhu yếu phẩm sẽ không thay đổi nhiều và dưới mức cao nhất của 2011. Việc Ấn Độ trở lại trong vai trò nước xuất khẩu gạo lớn thế giới với giá gạo thấp, kết hợp cùng giá gạo xuất khẩu thấp của Pakistan và Myanmar sẽ giữ giá gạo thế giới thấp hơn trong năm tới. Riêng ngành xuất khẩu lúa gạo Việt Nam sẽ tiến đến gần hơn **ngôi vị quốc tế hạng nhất** và hàng năm mang về đất nước hàng tỉ Mỹ kim; nhưng nông dân trồng lúa không hưởng được lợi tức tương xứng với vai trò hiện tại của mình!

Trần Văn Đạt, Ph. D.
www.tranvandat.com
10-12-2011

Bảng 1: Sản xuất lúa thế giới (2009, 2010 và 2011) và nhập-xuất khẩu gạo thế giới (2009, 2010, 2011 và 2012)

WORLD PADDY PRODUCTION			
	2009	2010	2011
		<i>(estimated)</i>	<i>(forecast)</i>
	<i>million tonnes</i>		
WORLD	683.4	700.0	720.7
Developing countries	657.7	673.0	695.7
Developed countries	25.6	27.0	25.0
ASIA	616.1	632.5	651.3
Bangladesh	48.4	50.3	51.9
Cambodia	7.6	8.2	8.2
China	196.7	197.2	203.0
of which Taiwan Prov	1.6	1.4	1.5
India	133.6	143.0	154.5
Indonesia	64.4	66.5	65.4
Iran, Islamic Rep. of	2.3	2.3	2.4
Japan	10.6	10.6	10.3
Korea Rep. of	6.6	5.8	5.7
Myanmar	31.0	30.8	30.0
Pakistan	10.3	7.2	9.7
Philippines	15.5	16.7	16.4
Sri Lanka	3.7	4.3	4.3
Thailand	32.0	34.5	32.0
Viet Nam	39.0	40.0	42.0
AFRICA	24.5	25.3	26.0
North Africa	5.6	5.2	5.8
Egypt	5.5	5.2	5.8
Sub-Saharan Africa	18.8	20.0	20.0
Western Africa	11.5	12.5	12.9
Côte d'Ivoire	0.7	0.8	0.7
Guinea	1.5	1.6	1.8
Mali	2.0	2.3	2.4
Nigeria	4.3	4.2	4.3
Central Africa	0.5	0.5	0.5
Eastern Africa	1.8	1.8	1.8
Tanzania	1.3	1.4	1.3
Southern Africa	5.0	5.2	4.8
Madagascar	4.5	4.8	4.3
Mozambique	0.3	0.3	0.3
CENTRAL AMERICA	2.8	2.9	3.0
Cuba	0.6	0.5	0.5
Dominican Rep.	0.8	0.9	0.9
Mexico	0.3	0.3	0.2
SOUTH AMERICA	25.6	23.6	26.6
Argentina	1.3	1.2	1.7
Brazil	12.6	11.7	13.6
Colombia	3.0	2.4	2.7
Peru	3.0	2.8	2.6
Uruguay	1.3	1.1	1.7
NORTH AMERICA	10.0	11.0	8.5
United States	10.0	11.0	8.5
EUROPE	4.3	4.4	4.6
EU 2/	3.2	3.1	3.2
OCEANIA	0.1	0.2	0.8
Australia	0.1	0.2	0.8

FOOTNOTES:

Totals computed from unrounded data.

1/ Highly sensitive.

2/ Excluding intra-trade.

WORLD IMPORTS OF RICE			
	2010	2011	2012^{1/}
		<i>(estimated)</i>	<i>(forecast)</i>
	<i>million tonnes, milled eq.</i>		
WORLD	31.5	34.3	33.8
Developing countries	27.0	29.5	29.0
Developed countries	4.5	4.8	4.9
ASIA	15.8	17.0	16.5
Bangladesh	0.7	1.5	0.6
China	1.2	1.5	1.1
of which Taiwan Prov	0.5	0.4	0.4
Indonesia	1.0	2.0	1.5
Iran, Islamic Rep. of	1.1	1.2	1.3
Iraq	1.2	1.2	1.3
Japan	0.7	0.7	0.7
Malaysia	0.9	1.0	1.1
Philippines	2.4	1.2	1.8
Saudi Arabia	1.0	1.2	1.2
Sri Lanka	0.1	0.0	0.0
AFRICA	9.4	10.6	10.5
Côte d'Ivoire	0.8	0.9	0.9
Nigeria	2.0	2.2	2.2
Senegal	0.7	0.7	0.8
South Africa	0.8	1.0	1.0
CENTRAL AMERICA	2.1	2.2	2.2
Cuba	0.5	0.6	0.6
Mexico	0.6	0.7	0.7
SOUTH AMERICA	1.3	1.4	1.5
Brazil	0.8	0.7	0.8
Peru	0.1	0.2	0.2
NORTH AMERICA	0.9	1.0	1.0
Canada	0.3	0.3	0.3
United States	0.6	0.6	0.7
EUROPE	1.6	1.7	1.7
EU 2/	1.1	1.2	1.3
Russian Fed.	0.2	0.2	0.2
OCEANIA	0.5	0.4	0.4

WORLD EXPORTS OF RICE			
	2009	2010	2011^{1/}
		<i>(estimated)</i>	<i>(forecast)</i>
	<i>million tonnes, milled eq.</i>		
WORLD	31.5	34.3	33.8
Developing countries	26.9	29.9	29.4
Developed countries	4.6	4.4	4.4
ASIA	24.3	26.7	26.7
China	0.7	0.5	0.8
of which Taiwan Prov	0.1	0.1	0.1
India	2.2	3.5	5.0
Myanmar	0.5	0.7	0.6
Pakistan	3.5	2.7	3.0
Thailand	9.0	10.6	8.5
Viet Nam	6.9	7.2	7.3
AFRICA	0.5	0.3	0.3
Egypt	0.4	0.1	0.1
SOUTH AMERICA	2.3	3.1	2.6
Argentina	0.5	0.6	0.5
Guyana	0.3	0.3	0.3
Uruguay	0.7	0.9	0.8
NORTH AMERICA	3.9	3.3	3.1
United States	3.9	3.3	3.1
EUROPE	0.5	0.6	0.6
EU 2/	0.3	0.3	0.3
OCEANIA	0.1	0.3	0.5
Australia	0.1	0.3	0.5

Bảng 2: Giá gạo xuất khẩu của Thái Lan, Hoa Kỳ, Việt Nam, Argentina, Ấn Độ và Pakistan, 2006-11

RICE EXPORT PRICES														
	Thai White 100% B Second grade	Thai Parboiled 100%	U.S. Long Grain 2,4%	Thai 5%	Viet 5%	Argentina max 10% 1/	India 25%	Pak 25%	Thai 25%	Viet 25%	Thai A1 Super 1/	U.S. California Medium Grain 2/	Pak Basmati Ordinary	Thai Fragrant 100%
	<i>(US \$/tonne, f.o.b.)</i>													
2006	311	300	394	304	266	279	247	230	269	249	217	512	516	470
2007	335	332	436	325	313	338	292	290	305	294	275	557	677	550
2008	695	722	782	682	614	584	...	498	603	553	506	913	1077	914
2009	587	619	545	555	432	459	...	351	460	384	329	1019	937	954
2010	518	532	510	492	416	499	...	372	444	387	386	764	881	1045
2010														
October	508	558	496	494	463	510	...	404	464	432	430	794	1020	1140
November	541	557	573	524	481	510	...	429	478	452	430	852	1200	1152
December	564	552	600	547	495	510	...	431	486	458	423	871	1150	1141
2011														
January	542	542	601	525	495	510	...	428	472	455	412	871	1150	1016
February	554	551	582	538	460	510	...	428	490	420	433	871	1150	978
March	524	524	562	507	462	510	...	426	476	426	429	871	1150	984
April	507	516	528	490	457	510	...	424	465	421	423	871	1150	990
May	500	508	518	483	469	496	...	430	460	438	419	871	1025	993
June	518	521	529	502	464	450	...	454	468	430	421	871	938	1007
July	548	548	549	532	505	450	...	467	490	466	445	871	910	1062
August	582	588	605	566	564	450	...	466	520	530	471	866	875	1096
September	618	625	650	601	555	450	437	455	550	515	497	860	950	1110
October	620	610	639	604	576	450	419	418	556	524	505	860	950	1140
2010 Jan.-Oct.	511	527	495	484	402	497	...	361	436	373	378	745	822	1025
2011 Jan.-Oct.	551	553	576	535	501	479	428	440	495	463	445	868	1025	1038
% Change	7.8	4.9	16.3	10.6	24.5	-3.6	...	21.8	13.4	23.9	17.9	16.5	24.6	1.2

Sources: Jackson Son & Co. (London) Ltd., Thai Department of Foreign Trade (DFT) and other public sources.

1/ White broken rice. 2/ No. 1, maximum 4-percent broken, sacked, California mill.

... = unquoted

Note: Please note that data may have been subject to revision due to temporary unavailability and/or late publishing of weekly price quotations.

FAO Rice Market Monitor – November 2011

Tài Liệu Tham Khảo:

- 1) FAO. 2011. FAO cereal supply and demand. World food situation (www.fao.org/worldfoodsituation/wfs-home/csdb/en/).
- 2) FAO Rice Market Monitor (RMM), November 2011, Vol. XV, Issue No. 4. (www.fao.org/economic/est/publications/rice-publications/rice-market-monitor-rmm/en/).
- 3) FAO Food Outlook, No.4, November 2011, Economic and Social Department (www.fao.org/economic/est/trade-and-markets-home/en/).
- 4) InterRice (CIRAD), Monthly Report of the World Market of Rice, November 2011.